

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH,
THĂNG HẠNG NĂM 2023

Số: 05 /CV-HĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 6 năm 2023

V/v Danh mục tài liệu và một số nội dung liên quan kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi;

Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là Hội đồng thi) đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thông báo đến cán bộ, công chức và viên chức đủ điều kiện dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi (Danh sách kèm theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, Công văn số 4154-CV/BTCTU ngày 27/6/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Công văn số 1667/BHXH-TCCB ngày 07/6/2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam) về Danh mục tài liệu và một số nội dung liên quan đến kỳ thi, cụ thể như sau:

1. Danh mục tài liệu tham khảo

Danh mục tài liệu thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 (có Phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo).

Lưu ý: Hội đồng thi không thực hiện việc ôn tập cho cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023.

2. Nộp lệ phí thi

- Lệ phí thi: 500.000 đồng/01 thí sinh.
- Thời gian nộp lệ phí thi: Từ ngày 28/6/2023 đến hết ngày 29/6/2023.
- Hình thức nộp lệ phí thi: Nộp vào số tài khoản Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi, số 4500201006494 tại Ngân hàng Agribank tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung: Lệ

phí thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức – tên thí sinh - đơn vị công tác).

3. Hình thức, nội dung, thời gian thi

a) Môn Kiến thức chung: Thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian 60 phút.

Nội dung thi: 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; nhiệm vụ của công chức, viên chức theo yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi.

b) Môn Ngoại ngữ: Thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian 30 phút.

Nội dung thi: 30 câu hỏi về Tiếng anh ở trình độ bậc tương đương khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Môn Chuyên môn, nghiệp vụ: Thi viết (*Công chức, viên chức được sử dụng tài liệu để làm bài thi*).

- Đối với nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính và tương đương: Thời gian 180 phút; thang điểm 100.

- Đối với nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên và tương đương: Thời gian 120 phút; thang điểm 100.

Nội dung thi: Kiểm tra và đánh giá trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức, viên chức theo yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi.

4. Thời gian thi

- Ngày 08, 09/7/2023: Thi môn Kiến thức chung và môn Tiếng anh.

- Ngày 15/7/2023: Thi môn Chuyên môn, nghiệp vụ.

Lưu ý: Thời gian cụ thể trong Giấy báo dự thi.

5. Địa điểm thi

Tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng (*địa chỉ: số 509 đường Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi*).

6. Nhận Giấy báo dự thi

Đề nghị cơ quan, đơn vị có thí sinh dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 cử đại diện nhận Giấy báo dự thi tại Phòng Công chức, viên chức Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi (*số 255 đường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi*) vào ngày 04/7/2023.

7. Công tác phối hợp

Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai thông báo nội dung tại văn bản này để cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; viên chức thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai biết, tham gia đúng thời gian quy định.

Lưu ý: Cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thường xuyên truy cập vào Trang thông tin điện tử thành phần của Sở Nội vụ, tại địa chỉ: snv.quangngai.gov.vn để theo dõi thông tin về kỳ thi.

Hội đồng thi đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng thi (*Báo cáo*);
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Quảng Ngãi;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai;
- Các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức dự thi;
- Lưu: VT, HĐ.



**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Tạ Công Dũng**



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN KIẾN THỨC CHUNG VÀ MÔN NGOẠI NGỮ DÙNG CHUNG CHO TẤT CẢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI NHÀ NƯỚC VÀ KHỎI ĐẢNG, MẶT TRẬN, ĐOÀN THỂ (Kèm theo Công văn số 05.../CV-HĐ ngày 28/6/2023 của Hội đồng thi)

I. KIẾN THỨC CHUNG:

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
2. Văn bản hợp nhất Luật Cán bộ, công chức số 25/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
3. Văn bản hợp nhất Luật Viên chức số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
4. Văn bản hợp nhất Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 22/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
5. Văn bản hợp nhất Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 23/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội;
6. Luật Phòng, Chống tham nhũng năm 2018;
7. Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
8. Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
9. Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
10. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
11. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2019 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về Cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;
12. Nghị quyết số 76/NQ-CP Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

13. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực;
14. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày sửa đổi Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP;
15. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
16. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
17. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
18. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
19. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
20. Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;
21. Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ;
22. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 28/10/2020 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Hợp nhất Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 và Nghị định 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020*);
23. Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
24. Nghị định số 108/2020/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
25. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;
26. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

27. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

28. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

29. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

30. Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước";

31. Tài liệu bồi dưỡng quản lý nhà nước các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

II. MÔN NGOẠI NGỮ:

1. Nội dung chương trình môn Tiếng anh dành cho những thí sinh dự thi ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên và tương đương

A. Yêu cầu chung:

* Đề thi gồm 30 câu hỏi Tiếng anh ở trình độ tương đương bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Thời gian làm bài: 30 phút

* Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính

B. Đề cương chi tiết:

I. Từ vựng:

a. Nội dung:

Từ vựng thuộc các chủ đề phổ thông như: khoa học, xã hội, sức khỏe, giáo dục, nghề nghiệp, thể thao, thời tiết, du lịch, gia đình, nhà trường,...

b. Dạng bài tập:

Chọn từ thích hợp để hoàn thành câu sau:

She has a She wants to go to the dentist.

a. toothache

b. headache

c. stomachache

d. sorethroat

II. Ngữ pháp:

a. Nội dung:

- The verb " to be"

- Model verbs: can, could, shall, will,

- Articals: a, an, the

- Two part verbs: look after, take off, ...

- Have to, has to,...
- Be going to...
- How much, How many
- Some, any, a few, a little
- Have got/ has got
- There is, there are
- Verb + - ing/ - to infinitive
- Prepositions of time, place, movement
- Simple present tense
- Present continuous tense
- Present perfect tense
- Simple past tense
- Past continuous tense
- Comparisons of adjectives and adverbs

b. Dạng bài tập:

Chọn từ hoặc cụm từ để hoàn thành những câu sau:

1. What time does he go to work? He usually at 8.30 am.
 a. go b. went c. does **d. goes**
2.is it from your house to school?
 a. How long b. How much c. How many **d. How far**

III. Đọc hiểu:

a. Nội dung:

Đọc 1 hay 2 bài đọc ngắn (khoảng 150 - 250 từ) về một trong các chủ đề phổ thông như đã nêu ở phần I và trả lời câu hỏi về nội dung của bài đọc đó.

b. Dạng bài tập:

- Chọn và điền từ cho trước vào chỗ trống để hoàn thành bài đọc.
- Chọn câu trả lời đúng (A, B, C hoặc D)

2. Nội dung chương trình môn Tiếng anh dành cho những thí sinh dự thi ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính và tương đương

A. Yêu cầu chung:

* Đề thi gồm 30 câu hỏi Tiếng anh ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Thời gian làm bài: 30 phút

* Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy vi tính

B. Đề cương chi tiết:

I. Từ vựng:

a. Nội dung:

Từ vựng thuộc các chủ đề phổ thông như: khoa học, xã hội, sức khỏe, giáo dục, nghề nghiệp, thể thao, thời tiết, du lịch, gia đình, nhà trường,...

b. Dạng bài tập:

Chọn từ thích hợp để hoàn thành câu sau:

Viet Namcoffee to many countries.

- a. imports **b. exports** c. drinks d. buys

II. Ngữ pháp:

a. Nội dung:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Simple present tense | - Comparisons of adjectives and adverbs |
| - Present continuous tense | - Modal verbs: can, could, shall, will, |
| - Simple past tense | - Two part verbs: look after, take off, ... |
| - Past continuous tense | - Prepositions of time, place, movement |
| - Present perfect tense | - The passive |
| - Past perfect tense | - Have to, has to,.. |
| - Conditional sentences | - Verb + - ing/ - to infinitive |

b. Dạng bài tập:

Chọn từ hoặc cụm từ để hoàn thành những câu sau:

1. Did you to the cinema last night.

- a. went b. going c. goes d. go

2. He can run very

- a. bad b. slow c. fast d. hard

III. Đọc hiểu:

a. Nội dung:

Đọc 1 hay 2 bài đọc ngắn (khoảng 200 - 250 từ) về một trong các chủ đề phổ thông như đã nêu ở phần I và trả lời câu hỏi về nội dung của bài đọc đó.

b. Dạng bài tập:

- Chọn và điền từ cho trước vào chỗ trống để hoàn thành bài đọc.
- Chọn câu trả lời đúng (A, B, C hoặc D)



PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH DÀNH
CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KHỎI NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Công văn số 05/SNV-CCVC ngày 28/6/2023 của Hội đồng thi)

I. Chuyên viên chính và chuyên viên

*** Đối với công chức**

1. Văn bản hợp nhất Luật Cán bộ, công chức số 25/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
2. Văn bản hợp nhất Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 22/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
3. Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI), ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
4. Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 25/10/2017 về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
5. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
6. Nghị quyết số 76/NQ-CP Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;
7. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
8. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
9. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
10. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
11. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

12. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

13. Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025;

14. Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi.

*** Đối với viên chức**

1. Văn bản hợp nhất Luật Viên chức số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;

2. Văn bản hợp nhất Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 22/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;

3. Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghị quyết số 76/NQ-CP Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

5. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

6. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

7. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

8. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

9. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

10. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

11. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

12. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

13. Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025;

14. Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi.

II. Phóng viên hạng II

1. Luật Báo chí số năm 2016; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 27/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội).

2. Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình, Đài Truyền thanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng, phát thanh, truyền hình đến năm 2020; Quyết định số 01/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg.

4. Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

5. 10 quy định đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam.

III. Kế toán viên

1. Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội).

2. Luật Kế toán năm 2015; Luật Quản lý thuế 2019 (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội).

3. Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước; Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016

của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 161/2012/TT-BTC (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BTC ngày 30/5/2016 của Bộ Tài chính).

4. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp

IV. Văn thư viên

1. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

3. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

4. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2021/TT-BNV.

5. Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc, gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

V. Huấn luyện viên hạng III

1. Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018 (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-VPQH 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội).

2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/04/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thể dục, thể thao.

3. Thông tư số 07/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/09/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tập huấn chuyên môn thể thao đối với người hướng dẫn tập luyện thể thao.

4. Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

VI. Thư viện viên hạng III

1. Luật Thư viện năm 2019.

2. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.

3. Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 07 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

4. Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 8 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện.

5. Thông tư số 02/2020/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện.

6. Thông tư số 05/2020/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về đánh giá hoạt động thư viện.

VII. Di sản viên hạng III

1. Luật Di sản văn hoá năm 2001; Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 23/07/2013 của Văn phòng Quốc hội).

2. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 4 tháng 1 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 3202/VBHN-BVHTTDL ngày 03/9/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

3. Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

VIII. Địa chính viên hạng III

1. Luật Đất đai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018 (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018).

2. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (hiệu lực từ 20/5/2023).

3. Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thông tư quy định về hồ sơ địa chính.

4. Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

IX. Đo đạc bản đồ viên hạng III

1. Luật Đo đạc và Bản đồ năm 2018.

2. Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTNMT ngày 07/06/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thông tư quy định về bản đồ địa chính.

4. Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

X. Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III

1. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 35/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội).

2. Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kiểm dịch và bảo vệ thực vật.

4. Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.

5. Thông tư liên tịch 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã

số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BNNPTNT ngày 01/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

XI. Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III

1. Luật Thú y năm 2015; Luật Quy hoạch 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thú y.

2. Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNNPTNT ngày 04/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

4. Thông tư liên tịch 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BNNPTNT ngày 01/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

XII. Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III

1. Luật Thú y năm 2015; Luật Quy hoạch 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thú y.

2. Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BNNPTNT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNPTNT ngày 05/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

4. Thông tư liên tịch 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BNNPTNT ngày 01/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

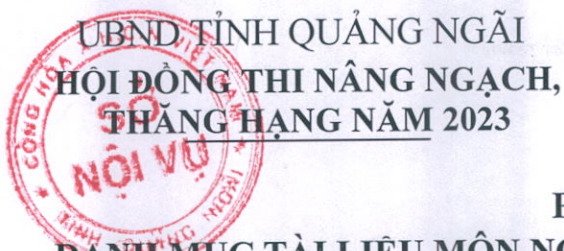
XIII. Khuyến nông viên hạng III

1. Luật Trồng trọt năm 2018.

2. Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác (được sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ).

3. Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

4. Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BNNPTNT ngày 01/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).



UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH,

THÁNG HẠNG NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC TÀI LIỆU MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH DÀNH CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC KHỎI ĐẢNG, MẶT TRẬN, ĐOÀN THỂ

(Kèm theo Công văn số 05./CV-HĐ ngày 28/6/2023 của Hội đồng thi)

I. Chuyên viên chính

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay (Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012); Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" (Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016); Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".
3. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018).
4. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.
5. Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.
6. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.
7. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.
8. Chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới (số 30-CTr/TU ngày 16/02/2023).

II. Giảng viên chính

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay (*Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012*); Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" (*Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016*); Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

3. Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

4. Quy định số 11-QĐi/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư quy định về trường chính trị chuẩn.

5. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

6. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

7. Tác phẩm "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (*Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2022*).

III. Biên tập viên chính

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay (*Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012*); Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" (*Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016*); Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

3. Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

4. Kết luận số 23-KL/TW ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư về tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

5. Quyết định số 362/QĐ-TTg, ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.

6. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

7. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

IV. Chuyên viên

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay (*Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012*); Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" (*Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016*); Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

3. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

4. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

5. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

6. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

V. Kế toán viên:

Theo danh mục tài liệu ngạch Kế toán của công chức khối Nhà nước.

VI. Lưu trữ viên: Thực hiện xét thăng hạng theo quy định của pháp luật hiện hành.